

Bản án số: 181/2024/DS-ST  
Ngày: 28-6-2024  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Công Nhân;
- Ông Nguyễn Đình Rành.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 49/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2024/QĐXXST-DS ngày 13/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trương Quý T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: **A H, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: **Công ty TNHH D1.**

Địa chỉ: **A N, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Đại diện theo pháp luật của Công ty:

Bà **Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: **Ấp B, xã T, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.**

(Đại diện theo pháp luật của Công ty bà **Nguyễn Thị Thúy V** vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

**Công ty TNHH D1** – sau đây gọi tắt là **Công ty D1** là **Công ty D1** cung cấp dịch vụ lưu trú.

Ngày 22/8/2023, ông **Trương Quý T** và **Công ty D1** có ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V48/08.23/HĐDL/08.2023/FANTRIP-Mr **T**. Theo đó, **Công ty D1** đồng ý cung cấp cho ông **T** dịch vụ lưu trú tại các khách sạn trong danh sách đính kèm với thời hạn 02 năm, kể từ ngày 22/8/2023 tới hết ngày 22/8/2025. Giá trị hợp đồng là 30.000.000 đồng, chi phí trên đã bao gồm 28 (hai mươi tám) phòng **khách sạn S và D** hoặc cao hơn tùy từng khách sạn (Hướng vườn, hồ bơi, biển), tương ứng 28 đêm nghỉ tại khách sạn mà ông **T** chọn theo danh sách đính kèm hợp đồng này. Thực hiện Hợp đồng này, ông **T** đã thanh toán đủ số tiền 30.000.000 đồng cho **Công ty D1** theo Giấy nhận tiền.

Ngày 13/10/2023, ông **T** có đặt phòng lưu trú vào ngày 21/10/2023, tuy nhiên đến ngày 21/10/2023, **Công ty D1** đã không cung cấp được nơi lưu trú mà ông **T** yêu cầu.

Vì vậy, ngày 23/10/2023, **Công ty D1** đã ký “Bản cam kết công nợ”, đồng ý thanh toán cho ông **T** số tiền 28.928.000 đồng và phí đền bù thiệt hại là 2.000.000 đồng. **Công ty D1** sẽ chuyển khoản vào ngày 08/12/2023 và chậm nhất là ngày 15/12/2023. Nhưng đến nay, **Công ty D1** vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên.

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/12/2023, ông **Trương Quý T** trình bày: Do thấy **Công ty D1** nhiệt tình nên ông đã giới thiệu **Công ty TNHH M** ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V52/09.23/HĐDL/09.2023/FANTRIP – **M** và **Công ty M** cũng đã thực hiện việc thanh toán 30.000.000 đồng cho **Công ty D1** nhưng **Công ty D1** cũng không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng và cũng đã ký văn bản xác nhận đồng ý trả lại số tiền trên cho **Công ty M** trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên chấm dứt hợp đồng là ngày 25/10/2023. Nhưng **Công ty D1** vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ trên cho đến nay. Do đó, để thuận lợi cho các bên trong việc giải quyết sự việc, ông **T** đã nhận chuyển nhượng lại Hợp đồng Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V52/09.23/HĐDL/09.2023/FANTRIP – Mr Nicholas từ **Công ty M**. Ông **T** yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 tuyên hủy Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V48/08.23/HĐDL/08.2023/FANTRIP-Mr **T** và Hợp đồng Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V52/09.23/HĐDL/09.2023/FANTRIP – Mr Nicholas. Buộc **Công ty D1** trả lại cho ông số tiền 63.928.000 đồng.

Tại Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 13/3/2024, ông **Trương Quý T** rút lại yêu cầu khởi kiện tuyên hủy Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V52/09.23/HĐDL/09.2023/FANTRIP – **M** và buộc **Công ty D1** trả lại ông số tiền 33.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông **Trương Quý T** yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 tuyên chấm dứt Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V48/08.23/HĐDL/08.2023/FANTRIP-Mr **T** và buộc **Công ty D1** phải trả cho ông số tiền 30.928.000 đồng.

Bị đơn là Công ty D1 đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ, các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2024/QĐXXST-DS ngày 13/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2024/QĐST-DS ngày 6/6/2024 nhưng Công ty D1 vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty D1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét lời trình bày và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là có đủ cơ sở do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Quý T về việc buộc bị đơn là Công ty D1 có địa chỉ trụ sở chính tại A N, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H đăng ký lần đầu ngày 18/12/2020 phải trả lại số tiền theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ số

V48/08.23/HĐDL/08.2023/FANTRIP-Mr T ký ngày 22/8/2023 thì đây là “Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ” được quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về hình thức:

Nguyên đơn là ông Trương Quý T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là Công ty D1 mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với Công ty TNHH M: Do nguyên đơn là ông Trương Quý T rút yêu cầu khởi kiện đối với việc tuyên Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V52/09.23/HĐDL/09.2023/FANTRIP – Mr Nicholas được ký kết giữa Công ty D1 và Công ty M và buộc Công ty D1 phải trả lại cho ông T số tiền 33.000.000 đồng nên Tòa án nhân dân Quận 7 không đưa Công ty M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V48/08.23/HĐDL/08.2023/FANTRIP-Mr T ký ngày 22/8/2023; Giấy nộp tiền và lời trình bày của nguyên đơn, đủ căn cứ kết luận: Công ty D1 và ông Trương Quý T có ký kết thỏa thuận về việc Công ty D1 cung cấp cho ông T dịch vụ lưu trú tại các khách sạn trong danh sách đính kèm với thời hạn 02 năm, kể từ ngày 22/8/2023 tới hết ngày 22/8/2025. Giá trị hợp đồng là 30.000.000 đồng, chi phí trên đã bao gồm 28 (hai mươi tám) phòng khách sạn S và D hoặc cao hơn tùy từng khách sạn (Hướng vườn, hồ bơi, biển), tương ứng 28 đêm nghỉ tại khách sạn mà ông T chọn theo danh sách đính kèm hợp đồng này.

Căn cứ vào Bản cam kết ngày 23/10/2023, Công ty D1 đồng ý thanh toán số tiền 30.928.000 đồng để chấm dứt Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V48/08.23/HĐDL/08.2023/FANTRIP-Mr T vì lý do Công ty D1 không đáp ứng yêu cầu đặt phòng của ông T theo Hợp đồng. Thời hạn thanh toán vào ngày 08/12/2023 và chậm nhất là ngày 15/12/2023.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn ông Trương Quý T được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn là Công ty D1 đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông T về

việc tuyên chấm dứt Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V48/08.23/HĐDL/08.2023/FANTRIP-Mr T và buộc bị đơn là Công ty D1 phải trả cho ông T số tiền 30.928.000 đồng.

Nguyên đơn ông Trương Quý T rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc tuyên hủy Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V52/09.23/HĐDL/09.2023/FANTRIP – Mr Nicholas được ký kết giữa Công ty D1 và Công ty M và buộc Công ty D1 phải trả lại cho ông T số tiền 33.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn ông Trương Quý T được quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Luật phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Trương Quý T và bị đơn Công ty TNHH D1.

2. Về nội dung:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Quý T:

- Chấm dứt Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V48/08.23/HĐDL/08.2023/FANTRIP-Mr T được ký kết ngày 22/8/2023 giữa ông Trương Quý T và Công ty TNHH D1.

- Buộc bị đơn Công ty TNHH D1 phải trả cho nguyên đơn ông Trương Quý T số tiền 30.928.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông Trương Quý T (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)

cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là Công ty TNHH D1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc tuyên hủy Hợp đồng cung cấp dịch vụ số V52/09.23/HĐDL/09.2023/FANTRIP – Mr Nicholas được ký kết giữa Công ty D1 và Công ty M và buộc Công ty D1 phải trả lại cho ông T số tiền 33.000.000 đồng. Ông Trương Quý T được quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Quý T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.598.200 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0037968 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty TNHH D1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.546.400 đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Ông Trương Quý T và Công ty TNHH D1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

### *Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK Thanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Phương**